TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2019/DS-PT
Ngày: 10- 6- 2019
V/v "Tranh chấp thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 6 và 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1125/2017/DSPT ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp thừa kế".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 790/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Bá Nhân (chết ngày 15/10/2010):

1/ Bà Hoàng Kim H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số A, số nhà C, khóm D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ông Hoàng Tiến D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà A, khóm D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Ông Hoàng Diệu H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà A, khóm D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Bà Hoàng Thùy L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: A, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà L, ông D, bà H: Bà Hoàng Thùy L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: A, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn:

1/ Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1945.

Địa chỉ: D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà X: Ông Trần Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1940.

Địa chỉ: D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Số mới: Nhà số A, đường V, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bà S: Ông Đặng Phúc T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: L, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S: Bà Trần Thị P, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1942.

Địa chỉ: 18 Grady Drive East Hartford Ct, 06108, USA.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Thu Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (ĐCLL: Số A đường D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Hồ Lê Minh D, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2/ Bà Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

3/ Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1972.

4/ Ông Đặng Phúc T, sinh năm 1966.

5/ Ông Đặng Phúc T1, sinh năm 1976.

6/ Ông Đặng Phúc T2, sinh năm 1979.

7/ Ông Đặng Phúc T3, sinh năm 1960.

8/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Y, ông T, ông T1, ông T2, ông T3, bà L: Ông Đặng Phúc T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: L, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

9/ Ông Đặng Phúc T4, sinh năm 1974.

Địa chỉ: D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

10/ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1984. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: D, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Phòng Tài nguyên và Môi trường - Ủy ban nhân dân Quận 4. (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Bá N là bà Hoàng Thùy L; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của bà Hoàng Thị T là bà Nguyễn Thu Th; đại diện hợp pháp của bị đơn Hoàng Thị X là ông Đặng Phúc T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vụ kiện tranh chấp thừa kế này đã qua nhiều cấp và nhiều lần xét xử, cụ thể: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1215/2008/DSST ngày 14-8-2008 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 412/2008/DSPT ngày 27-10-2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Hủy Bản án số 1215/2008/DSST ngày 14-8-2008), tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1110/2009/DSST ngày 11-5-2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 288/2009/DSPT ngày 11-9-2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Sửa Bản án số 1110/2009/DSST ngày 11-5-2009), và tại Quyết định giám đốc thẩm số 17/2011/DS-GĐT ngày 21-4-2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Hủy Bản án phúc thẩm số 288/2009/DSPT ngày 11-9-2009 và hủy Bản án sơ thẩm số 1110/2009/DSST ngày 11-5-2009, giải quyết lại sơ thẩm).

Theo hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết lại sơ thẩm, nguyên đơn trình bày nội dung:

Cụ Hoàng B và cụ Nguyễn Thị T có 03 người con chung là ông Hoàng Bá N, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị S. Trước khi cụ B kết hôn với cụ T, cụ B đã có 01 người con riêng là bà Hoàng Thị X và bà X được cụ B, cụ T nuôi dưỡng từ nhỏ.

Cụ B và cụ T tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05/02/1980, cụ B chết không để lại di chúc.

Sau đó, cụ T đã tách căn nhà trên thành 02 căn nhà mang số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây ghi tắt là nhà 129F/138/134) do bà X quản lý, sử dụng và số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây ghi tắt là nhà 129F/138/136) do ông N ký giấy bán cho bà S. Ngày 06/7/1998, cụ T chết không để lại di chúc.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế căn nhà số 129F/138/134 theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2008, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án trên, nguyên đơn là ông Hoàng Bá N bổ sung yêu cầu chia thừa kế cả nhà 129F/138/136 cho các thừa kế. Riêng nhà 129F/138/134 thì chỉ yêu cầu chia giá trị phần đất, không yêu cầu chia nhà, không khiếu nại tiền đền bù giải tỏa và giao căn nhà trên cho bà X quản lý, sử dụng.

Ngày 15/10/2010, nguyên đơn là ông Hoàng Bá N chết. Những người kế thừa tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định ông N không có di sản nào để lại. Tại phiên tòa, bà Hoàng Thùy L xác định nguyên đơn tự chịu chi phí liên quan đến đo vẽ, định giá, không yêu cầu các đương sự khác hoàn trả.

Bị đơn bà Hoàng Thị X có ông Trần Văn T là đại diện hợp pháp trình bày:

Bà X thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản tranh chấp và hàng thừa kế.

- Đối với nhà 129F/138/134: Căn nhà này trước đây do bà X quản lý sử dụng từ 1980 đến năm 2008. Tuy nhiên chấp hành theo phán quyết tại bản án phúc thẩm số 288/2009/DSPT ngày 11/9/2009 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao, bà X đã bán nhà 129F/138/134, giá bán là 3.020.000.000 đồng và đã thi hành các nghĩa vụ theo bản án như sau:

Hoàn trả cho ông Hoàng Bá N số tiền: 578.750.000 theo biên lai thu số 001118 ngày 11/11/2009.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền: 578.750.000 theo biên lai thu số 001117 ngày 11/11/2009.

Việc thi hành án của bà X đã hoàn tất theo xác nhận Thi hành án số 3321/THA ngày 29/4/2010 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với nhà 129F/138/136: Bà X đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nhà 129F/138/136 là di sản của cụ B và cụ T để lại chưa chia. Nay bà X yêu cầu chia thừa kế căn nhà thành bốn phần bằng nhau cho bốn người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông N, bà S, bà T và bà X. Bà S là người đang quản lý căn nhà nêu trên nên dành cho bà S được quyền tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà và có nghĩa vụ giao lại cho ông N, bà T và bà X mỗi người một kỷ phần bằng nhau. Trường hợp bà S không thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho các đồng thừa kế để sở hữu nhà thì yêu cầu được phát mãi nhà để chia đều cho các đồng thừa kế.

Riêng về phần trình bày của nguyên đơn về việc khi ông N ký giấy bán nhà 129F/138/136 cho bà S và có chia tiền cho bà X thì bà X không thừa nhận, bà cho rằng bà không nhận được khoản tiền nào từ việc bán nhà 129F/138/136.

Bà X không biết khi chết ông Hoàng Bá N có để lại tài sản hay không, hiện nay cũng không có bất cứ thông tin gì về di sản của ông N.

Bị đơn bà Hoàng Thị S có ông Đặng Phúc T là đại diện hợp pháp trình bày:

Tài sản chung và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng B và cụ Nguyễn Thị T đúng như nguyên đơn trình bày. Năm 1980 cụ Hoàng B chết không để lại di chúc, sau đó cụ T phân chia tài sản như sau:

- Phần nhà phía trước, có diện tích 4m x 11m, nay là nhà số 129F/138/134 giao cho bà Hoàng Thị X quản lý, sử dụng.

- Phần nhà phía sau có diện tích 7m x 13m nay là căn nhà số 129F/138/136 giao cho ông Hoàng Bá N quản lý, sử dụng.

Theo bà S, sau khi cụ B chết thì khối tài sản phải được chia như sau: cụ T được hưởng ½ khối tài sản chung, còn ½ khối tài sản chung là di sản cụ B để lại. Vì cụ B chết không để lại di chúc nên theo quy định của pháp luật di sản của cụ B sẽ được chia đều cho 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm: cụ T, ông N, bà S, bà X và bà T.

Khi còn sống cụ T đã định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung thể hiện qua việc cụ T đã cho ông N sở hữu phần diện tích nhà mà hiện nay là nhà số 129F/138/136 (nhà này có diện tích 84 m^2 tương đương với tài sản của cụ T được hưởng trong tổng giá trị khối tài sản chung). Như vậy trước khi qua đời tài sản của cụ T đã được định đoạt.

Ông Hoàng Bá N sau khi được cụ T cho phần tài sản cộng với phần tài sản được hưởng từ di sản của cụ B thì ông N được phần tài sản tương đương nhà số 129F/138/136 mà ông N đang sử dụng. Do đó, việc ông N được sở hữu căn nhà này là hợp lý tương đương với phần tài sản ông được hưởng.

- Đối với nhà 129F/138/134 đã giao cho bà X quản lý: Hiện nay bà X đã bán để thi hành án theo phán quyết tại bản án phúc thẩm số 288/2009/DSPT ngày 11/9/2009 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S yêu cầu Tòa án cho bà S được hưởng một phần thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với nhà 129F/138/136 đã giao cho ông N quản lý và sử dụng. Ngày 04/01/1986 ông Hoàng Bá N, cụ Nguyễn Thị T đã ký giấy ủy quyền cùng đồng ý bán cho bà Hoàng Thị S miếng đất chiều ngang 7m, chiều dài 13m (tức nhà số 129F/138/136) với số tiền 75.000 đồng. Đến ngày 29/6/1994 ông N, cụ T, bà X đã thống nhất ký Giấy sang bán nhà số 129F/138/136 cho bà Hoàng Thị S. Ngoài số tiền đã trả là 75.000 đồng vào năm 1986, bà S sau đó còn phải trả thêm là 5.000.000 đồng. Trong quá trình mua bán nhà, bà S đã giao tiền cho ông N làm nhiều đợt, tổng cộng 5.075.000 và 03 lượng vàng SJC (9999). Ngày 04/6/2004 bà S đã được Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở. Như vậy việc bà S được sở hữu nhà 129F/138/136 là do mua lại từ ông N, bà T và bà X chứ không phải do bà S được giao quản lý sử dụng di sản của ông B, bà T. Bà S yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu căn nhà trên cho bà S.

Bà S không biết khi chết ông Hoàng Bá N có để lại tài sản hay không, hiện nay cũng không có bất cứ thông tin gì về di sản của ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T có bà Nguyễn Thị Th là đại diện hợp pháp trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản tranh chấp và hàng thừa kế.

- Đối với nhà 129F/138/134 đã giao cho bà X quản lý, sử dụng: Do căn nhà này đã được cơ quan Thi hành án phân chia kỷ phần theo Bản án số 288/2009/DSPT ngày 11/9/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phồ Hồ Chí Minh. Bà đã nhận đủ tiền nên bà không tranh chấp đối với căn nhà này nữa.

- Đối với nhà 129F/138/136 do bà S quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở. Bà T yêu cầu được tiếp tục giải quyết chia thừa kế theo luật định.

Bà T không biết khi chết ông Hoàng Bá N có để lại tài sản hay không, hiện nay cũng không có bất cứ thông tin gì về di sản của ông N.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con bà S và đang cư trú tại nhà 129F/138/136 gồm bà Đặng Thị Y, ông Đặng Phúc T, ông Đặng Phúc T1, ông Đặng Phúc T2, ông Đặng Phúc T3, bà Lê Thị L là ông Đặng Phúc T thống nhất với phần trình bày của bị đơn là bà Hoàng Thị S.

Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện hợp pháp là ông Bùi Đức L trình bày:

- Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 17/6/2010, bà Hoàng Thị X nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản này. Căn cứ vào hồ sơ và nội dung bản án 288/2009/DSPT; Quyết định thi hành án số 523/QĐ-THA; Giấy xác nhận thi hành án số 3321/THA, quy định pháp luật hiện hành về cấp Giấy chứng nhận, nội dung xác nhận không tranh chấp đối với căn nhà trên của Ủy ban nhân dân Phường 6 thể hiện tại đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ngày 12/7/2010 và đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4. Ủy ban nhân dân Quận 4 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00251 ngày 10/8/2010 cho bà Hoàng Thị X. Ngày 01/9/2010, bà X đã chuyển nhượng nhà này cho bà Lục Thị Lệ T theo Hợp đồng số 028786/HĐ-MBN tại Phòng Công chứng số 2, bà T đã nộp thuế trước bạ nhà đất. Ủy ban nhân dân Quận 4 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00331 ngày 12/10/2010 cho bà Lục Thị Lệ T theo trình tự, thủ tục quy định. Việc cấp Giấy chứng nhận và cơ sở pháp lý cấp Giấy chứng nhận trên được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 22/12/2003, bà Hoàng Thị S nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy nhận đối với căn nhà trên. Căn cứ vào quy định pháp luật tại thời điểm giải quyết, Ủy ban nhân dân Quận 4 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng

đất ở số 1261/2004 ngày 04/6/2004 cho bà Hoàng Thị S. Việc cấp Giấy được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Tuy nhiên, qua Bản án phúc thẩm số 288/2009/DSPT ngày 11/9/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận 4 nhận thấy việc ông N viết giấy tay bán nhà cho bà S vào năm 1994 mà chưa có sự đồng ý của bà T là bỏ sót đồng thừa kế và chưa đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Thanh T, ông Đặng Phúc T, bà Đặng Thị H và đại diện Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1151/2017/DSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 410, 674, 675, 676, 679 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng B (chết ngày 05/02/1980) gồm cụ Nguyễn Thị T, ông Hoàng Bá N, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị X.

2. Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N (chết ngày 15/10/2010) là: Bà Hoàng Kim H, bà Hoàng Thị Kim L, ông Hoàng Tiến D, ông Hoàng Diệu H, bà Hoàng Thùy L.

3. Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N phải chịu nghĩa vụ tại bản án này (kể cả về án phí) trong phạm vi tài sản được nhận thừa kế từ di sản của ông Hoàng Bá N.

4. Khối tài sản là hai căn nhà số 129F/138/134 và số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng của hai cụ Hoàng B và Nguyễn Thị T. Di sản của cụ B là 50% khối tài sản. Phần sở hữu của cụ T (50%) và phần thừa kế của cụ T đối với di sản của cụ B (10%) là 60% khối tài sản trên cụ T đã định đoạt lúc còn sống, cụ thể: 60% nhà 129F/138/134 cho bà X được sở hữu, 60% nhà 129F/138/136 cho ông N được sở hữu. Cụ Nguyễn Thị T (chết ngày 06/7/1998) không còn di sản để lại.

5. Các ông bà Hoàng Bá N, Hoàng Thị T, Hoàng Thị S và Hoàng Thị X được hưởng thừa kế di sản của cụ B, mỗi người một kỷ phần bằng 1.159.141.352 đồng. Sau khi đối trừ nghĩa vụ, còn lại phải thực hiện cụ thể như sau:

5.1- Bà Hoàng Thị S phải giao cho bà Hoàng Thị T: 857.141.352 đồng.

- Bà Hoàng Thị T phải trả lại cho bà Hoàng Thị X là: 276.750.000 đồng. *(578.750.000 đồng – 302.000.000 đồng)*

5.2- Bà Hoàng Thị S phải giao cho bà Hoàng Thị X: 555.141.352 đồng. *(857.141.352 đồng – 302.000.000 đồng)*

5.3- Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị X 276.750.000 đồng. *(578.750.000 đồng – 302.000.000 đồng)*

5.4- Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị S 2.571.424.060 đồng. *(3.428.565.412 đồng – 857.141.352 đồng)*

6. Hủy bỏ phần giao dịch liên quan đến di sản của cụ B tại Giấy mua bán nhà 129F/138/136 giữa ông N và bà S. Bà Hoàng Thị S được nhận nhà D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Gồm 60% mua từ ông N và 40% là di sản của cụ B).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2017, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Bá N là bà Hoàng Thùy L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 15/9/2017, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của bà Hoàng Thị T là bà Nguyễn Thu Th có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 19/9/2017, đại diện hợp pháp của bị đơn Hoàng Thị X là ông Đặng Phúc T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Trần Thị Phú là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị S trình bày:

Căn nhà số 129F/138/136 là căn nhà do bà S có được do mua lại của ông N, không phải bà S có được qua thừa kế. Bà S đã được đứng tên sở hữu và được cấp GCN đối với căn nhà trên. Cụ T khi còn sống đã thể hiện ý chí trong việc định đoạt tài sản cho ông N thể hiện qua việc cụ T ký vào văn bản đồng ý cho ông N định đoạt ngôi nhà ông N đang sống, tức là định đoạt bán cho bà S. Trong khi đó, cụ T chỉ giao cho bà X được quản lý sử dụng căn nhà số 129F/138/134 Bến Vân Đồn, P.6, Q.4 mà không có 1 quyết định nào về việc cho bà X sở hữu căn nhà này. Căn nhà 129F/138/136 không còn phần di sản của cụ B nữa, phần di sản còn lại của cụ B sẽ là căn nhà số 129F/138/134. Hợp đồng mua bán nhà giữa bà S với ông N có sự đồng ý bán của cụ T và được bà X làm chứng là hợp pháp và phải được công nhận.

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa 1 phần bản án sơ thẩm theo hướng cho bà S được quyền sở hữu và sử dụng căn nhà A mà không phải giao tiền cho bà T, bà X; đồng thời bà S còn được hưởng 1 phần di sản thừa kế của cụ B để lại.

Ông Đặng Phúc T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Thị S trình bày:Thống nhất với lời trình bày của Luật sư.

Bà Hoàng Thuỳ L là người thừa kế quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Bá N có đơn kháng cáo vào ngày 15/9/2017 nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà phúc thẩm dù đã được tống đạt hợp lệ.

Bà Nguyễn Thu T là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo ngày 15/9/2017 nhưng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà phúc thẩm dù đã được tống đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đối với kháng cáo của bà Hoàng Thuỳ L là người thừa kế quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Bá N và bà Nguyễn Thu T là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T đều có đơn kháng cáo vào ngày 15/9/2017 nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà phúc thẩm dù đã được tống đạt hợp lệ. Bà L, bà T không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định của BLTTDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà L và bà T.

Đối với kháng cáo của ông Đặng Phúc T không cung cấp chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung của bản án sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Phúc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hoàng Thuỳ L là người thừa kế quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Bá N và bà Nguyễn Thu T là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T đều có đơn kháng cáo vào ngày 15/9/2017 nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà phúc thẩm dù đã được tống đạt hợp lệ. Bà L, bà T không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định của BLTTDS năm 2015 HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà L và bà T.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị S do ông Đặng Phúc T làm đại diện theo uỷ quyền, HĐXX xét thấy:

- Căn nhà số 129F/138/134 Bến Vân Đồn là tài sản chung của hai cụ Hoàng B và Nguyễn Thị T, sau đó được tách ra thành hai căn mang số 129F/138/134 và 129F/138/136. Theo sự thừa nhận của bà S, bà X thì vào năm 1997, UBND P.6, Q.4 đã lập biên bản với sự có mặt của cụ T, ông N, bà S, bà X (không có mặt bà

T), theo đó các đương sự cùng nhất trí giao nhà số 129F/138/134 cho bà X được nhận và giao nhà số 129F/138/136 cho ông N được nhận. Việc này đã thể hiện ý chí tự nguyện của cụ T trong việc định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và cả phần thừa kế của cụ T được hưởng từ cụ B. Đối với phần di sản của cụ B do cụ T, ông N, bà S, bà X tự định đoạt phân chia mà không có bà T là thiếu một đồng thừa kế nên phần này không có hiệu lực, do đó sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Bà S cho rằng phần tài sản cụ T định đoạt cho ông N là hợp pháp nhưng lại phủ nhận phần cụ T định đoạt cho bà X là không có cơ sở để chấp nhận; bởi lẽ ý chí của cụ T khi cho tài sản ông N, bà X đều được thể hiện tại biên bản làm việc tại UBND P.6, Q.4 và trên thực tế căn nhà 129F/138/134 đã giao cho bà X còn nhà 129F/138/136 đã giao cho ông N.

Khối tài sản chung của cụ B, cụ T sẽ được phân chia như sau:

+ Nhà số 129F/138/134: phần của cụ B là 50% chia cho 5 đồng thừa kế là cụ T, ông N, bà S, bà X, bà T, mỗi người được hưởng 302.000.000 đồng. Phần cụ T bao gồm 50% phần tài sản chung và 1 suất thừa kế từ cụ B 10%, tổng cộng 60%; cụ T đã định đoạt cho bà X.

+ Nhà số 129F/138/136: phần của cụ B là 50%, cũng được chia cho 5 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng 857.141.352 đồng (sau khi đã trừ đi phần bà S bỏ ra duy tu tôn tạo 100.000.000 đồng); phần cụ T bao gồm 50% và 1 suất thừa kế từ cụ B 10%, tổng cộng 60%, cụ T đã định đoạt cho ông N.

Như vậy, giá trị phần thừa kế mà ông N, bà S, bà X, bà T được hưởng thừa kế từ cụ B là 1.159.141.352 đồng.

- Trước đây, để thi hành án bản án dân sự phúc thẩm số 288/2009/DSPT ngày 11/9/2009 của Toà phúc thẩm TAND Tối cao tại TP.HCM, bà X đã bán căn nhà 129F/138/134 được 3.020.000.000 đồng và bà X đã thi hành trả cho ông N, bà T mỗi người 578.750.000 đồng. Như vậy các đương sự phải đối trừ trả cho nhau số tiền chênh lệch.

- Giấy mua bán nhà 129F/138/136 giữa ông N và bà S có chữ ký của ông N, bà S, bà X và cụ T nhưng không có ý kiến của bà T. Đồng thời phần ông N được nhận từ cụ T trong căn nhà này chỉ có 60% nhưng ông đã bán cho bà S toàn bộ căn nhà do đó giấy mua bán là vô hiệu một phần. Xét thấy bà S đã quản lý, sử dụng căn nhà từ lúc mua từ ông N và cũng đã được cấp giấy chứng nhận do đó để ổn định cần tiếp tục giao nhà cho bà S. Bà S có nghĩa vụ trả cho ông N, bà X, bà T giá trị kỷ phần của họ được hưởng từ di sản của cụ B.

Do bà X đã chết vào ngày 21/4/2018 nên phần của bà X sẽ được giao cho các đồng thừa kế là bà Hoàng Thị Sang và Hoàng Thị Thanh T.

Từ những phân tích trên, nhận thấy quyết định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị S.

[3] Bà S (sinh năm 1940) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố Tụng Dân sự năm 2015;

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Thuỳ L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Hoàng Thị T.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 410, 674,675, 679 của Bộ Luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng B (chết ngày 05/02/1980) gồm cụ Nguyễn Thị T, ông Hoàng Bá N, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị X.

2. Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N (chết ngày 15/10/2010) là: Bà Hoàng Kim H, bà Hoàng Thị Kim L, ông Hoàng Tiến Diệu, ông Hoàng Diệu H, bà Hoàng Thùy L. Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N phải chịu nghĩa vụ tại bản án này (kể cả về án phí) trong phạm vi tài sản được nhận thừa kế từ di sản của ông Hoàng Bá N.

3/ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hoàng Thị X là bà Hoàng Thị Sang và Hoàng Thị Thanh T. Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của Bà Hoàng Thị X phải chịu nghĩa vụ tại bản án này (kể cả về án phí) trong phạm vi tài sản được nhận thừa kế từ di sản của bà X.

4. Khối tài sản là hai căn nhà số 129F/138/134 và số D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng của hai cụ Hoàng B và Nguyễn Thị T. Di sản của cụ B là 50% khối tài sản. Phần sở hữu của cụ T (50%) và phần thừa kế của cụ T đối với di sản của cụ B (10%) là 60% khối tài sản trên cụ T đã định đoạt lúc còn sống, cụ thể: 60% nhà 129F/138/134 cho bà X được sở hữu, 60% nhà 129F/138/136 cho ông N được sở hữu. Cụ Nguyễn Thị T (chết ngày 06/7/1998) không còn di sản để lại.

5. Các ông bà Hoàng Bá N, Hoàng Thị T, Hoàng Thị S và Hoàng Thị X được hưởng thừa kế di sản của cụ B, mỗi người một kỷ phần bằng 1.159.141.352 đồng. Sau khi đối trừ nghĩa vụ, còn lại phải thực hiện cụ thể như sau:

5.1- Bà Hoàng Thị S phải giao cho bà Hoàng Thị T: 857.141.352 đồng.

- Bà Hoàng Thị T phải trả lại cho bà Hoàng Thị X là: 276.750.000 đồng. *(578.750.000 đồng – 302.000.000 đồng)*

5.2- Bà Hoàng Thị S phải giao cho bà Hoàng Thị X: 555.141.352 đồng. *(857.141.352 đồng – 302.000.000 đồng)*

5.3- Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị X 276.750.000 đồng. *(578.750.000 đồng – 302.000.000 đồng)*

5.4- Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Bá N phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị S 2.571.424.060 đồng. *(3.428.565.412 đồng – 857.141.352 đồng)*

6. Hủy bỏ phần giao dịch liên quan đến di sản của cụ B tại Giấy mua bán nhà 129F/138/136 giữa ông N và bà S. Bà Hoàng Thị S được nhận nhà D, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Gồm 60% mua từ ông N và 40% là di sản của cụ B).

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của Hoàng Bá N: Phải chịu án phí là 51.611.365 đồng.

Đã nộp tạm ứng 12.000.000 đồng (Biên lai thu số 004215 ngày 04/02/2008, số 005522 ngày 07/8/2008 do Nguyễn Thu T nộp thay và số 011370 ngày 23/3/2009) đã nộp thi hành án 16.376.562 đồng(Biên lai 2606 ngày 18/11/2009). Tổng cộng đã nộp 28.376.562 đồng. đối trừ chuyển thu còn phải nộp thêm: 23.234.803 đồng.

- Bà Hoàng Thị X phải chịu 21.182.800đ. Đã nộp tạm ứng 7.400.000 đồng(biên lai số 006965 ngày 20/01/2009 do Trần văn T nộp thay và Biên lai số 011913 ngày 22/5/2009); đã nộp thi hành án 4.788.281 đồng (Biên lai 002602 ngày 11/11/2009). Tổng cộng đã nộp 12.188.281 đồng. đối trừ chuyển thu, còn phải nộp thêm 8.994.519 đồng.

- Bà Hoàng Thị S phải chịu 21.182.800 đồng. Đã nộp 7.000.000 đồng (Biên lai 011344 ngày 19/3/2009 do Đặng Phúc T nộp thay). Đối trừ chuyển thu, còn phải nộp thêm 14.182.800 đồng.

- Bà Hoàng Thị T phải chịu : 21.182.800 đồng. đã nộp 28.376.562 (Biên lai 2605 ngày 18/11/2009). Đối trừ chuyển thu, còn được trả lại 7.193.762 đồng.

8/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hoàng Thuỳ L và Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSPT. Bà L và Bà T được khấu trừ mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0047815 và 0047814 ngày 26/9/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Hoàng Thị S được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Bà S 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0047818 ngày 26/9/2017 (do ông Đặng Phúc T nộp).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu đối với khoản tiền được thi hành án, nếu người thi hành án chậm trả thì phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với só tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án , người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (18);
- Lưu (DTTP 32)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Các thẩm phán **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Yên **Phạm Trí Tuấn** **Nguyễn Văn Minh**